

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 359/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Về thành lập, tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính
của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2026/QH16;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15 và Luật số 23/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Các tổ chức tín dụng);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập, tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Công ty Quản lý tài sản.
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 3. Thành lập Công ty Quản lý tài sản

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) thành lập Công ty Quản lý tài sản nhằm xử lý nợ xấu, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hợp lý cho nền kinh tế.

2. Công ty Quản lý tài sản là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng Việt Nam là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh.

2. Khách hàng vay bao gồm tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp; tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản.

3. Tổ chức bán nợ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Công ty Quản lý tài sản

Công ty Quản lý tài sản hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Lấy thu bù chi và không vì mục tiêu lợi nhuận.
2. Công khai, minh bạch trong hoạt động mua, xử lý nợ xấu.
3. Hạn chế rủi ro và chi phí trong xử lý nợ xấu.

Điều 6. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản

Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư khả thi được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Phương thức Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Công ty Quản lý tài sản được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng Việt Nam theo giá trị thị trường hoặc mua bằng trái phiếu đặc biệt, được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường.

2. Công ty Quản lý tài sản được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường.

Chương II
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH
CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 8. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty Quản lý tài sản là 5.000 tỷ đồng Việt Nam.

2. Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của Công ty Quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 9. Cơ cấu tổ chức của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội và được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố lớn trực thuộc trung ương sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Bộ máy quản lý của Công ty Quản lý tài sản bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Điều 10. Quản trị, điều hành của Công ty Quản lý tài sản

1. Hội đồng thành viên bao gồm không quá 07 thành viên.

2. Ban kiểm soát bao gồm không quá 03 thành viên.

3. Công ty Quản lý tài sản có Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc.

4. Quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý tài sản.

5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản.

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý tài sản không nhất thiết phải là đấu giá viên theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Chương III

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 11. Hoạt động của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản được thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- b) Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- c) Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- d) Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- đ) Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;
- e) Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;
- g) Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- h) Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- i) Bảo lãnh cho các tổ chức, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- k) Hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc thu hồi, xử lý nợ, tài sản bảo đảm;
- l) Tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp;
- m) Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty Quản lý tài sản sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

2. Công ty Quản lý tài sản được ủy quyền cho tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ thực hiện các hoạt động được quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý tài sản

1. Quyền của Công ty Quản lý tài sản

a) Yêu cầu tổ chức bán nợ, khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu về tổ chức và hoạt động của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm; thông tin, tài liệu về các khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu đã được bán cho Công ty Quản lý tài sản;

b) Đề nghị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán các khoản nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản;

c) Tham gia quá trình cơ cấu lại khách hàng vay sau khi góp vốn, mua cổ phần tại khách hàng vay;

d) Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm theo quy định của pháp luật; thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý, thu hồi nợ. Thực hiện quyền thu giữ tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan;

đ) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan bảo vệ pháp luật hoàn tất các thủ tục, hồ sơ pháp lý về tài sản bảo đảm và phối hợp, hỗ trợ trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm và thu hồi, xử lý nợ, tài sản bảo đảm;

e) Đề nghị các cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm liên quan đến tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu do Công ty Quản lý tài sản mua chưa được đăng ký biện pháp bảo đảm;

g) Công ty Quản lý tài sản trở thành bên nhận bảo đảm và được thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm dựa trên hợp đồng mua bán nợ xấu mà không phải ký lại hợp đồng bảo đảm với bên bảo đảm;

h) Giám sát, kiểm tra các tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc thực hiện các hoạt động được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

i) Đối với số tiền thu hồi được từ các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản được thu một số tiền trên số tiền thu hồi khoản nợ xấu như sau:

Đối với số tiền thu hồi khoản nợ xấu bằng hoặc thấp hơn giá mua và chi phí xử lý khoản nợ xấu đó: Công ty Quản lý tài sản được thu một số tiền trên số tiền thu hồi khoản nợ xấu theo tỷ lệ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trừ đi số tiền Công ty Quản lý tài sản đã thu theo quy định tại điểm 1 khoản này trong trường hợp số tiền thu được từ thu hồi khoản nợ xấu lớn hơn số tiền đã thu theo điểm 1 khoản này. Trường hợp số tiền này nhỏ hơn số tiền Công ty

Quản lý tài sản đã thu theo điểm l khoản này thì Công ty Quản lý tài sản không phải hoàn trả tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền đã thu theo điểm l khoản này;

Đối với số tiền thu hồi khoản nợ xấu cao hơn giá mua và chi phí xử lý khoản nợ xấu đó: Công ty Quản lý tài sản được thỏa thuận với tổ chức tín dụng Việt Nam phân chia phần giá trị còn lại của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ đi giá mua và chi phí xử lý.

k) Các quyền khác của chủ nợ, bên nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật.

l) Đối với số dư nợ gốc còn lại cuối kỳ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt đang được hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản, hằng năm, Công ty Quản lý tài sản được thu một số tiền theo một tỷ lệ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Số tiền tổ chức tín dụng Việt Nam trả cho Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại điểm i và l khoản này được hạch toán vào chi phí của tổ chức tín dụng Việt Nam.

m) Được kế thừa quyền và nghĩa vụ chủ nợ của tổ chức bán nợ, bao gồm cả quyền và nghĩa vụ tố tụng trong việc khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án; kế thừa quyền và nghĩa vụ chủ nợ của tổ chức bán nợ trong quá trình thi hành án.

n) Công ty Quản lý tài sản không phải đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm đã đăng ký khi mua lại khoản nợ xấu từ tổ chức bán nợ và tổ chức bán nợ không phải đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm khi mua lại hoặc nhận lại khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản.

2. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý tài sản

a) Bảo toàn và phát triển vốn được Nhà nước giao;

b) Thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm;

c) Thực hiện việc đăng ký hợp đồng mua bán quyền đòi nợ theo quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm;

d) Chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước, công chúng về tình hình hoạt động;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 13. Mua nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng Việt Nam bằng trái phiếu đặc biệt theo giá trị ghi sổ số dư nợ gốc khách hàng vay chưa trả đã được khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

2. Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường trên cơ sở thỏa thuận và giá trị khoản nợ xấu được đánh giá lại.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phân bổ dần vào chi phí hoạt động phân chênh lệch giữa giá trị ghi sổ trừ đi giá trị mua bán của khoản nợ được mua theo giá trị thị trường và giá trị khoản dự phòng rủi ro đã trích cho chính khoản nợ được mua bán theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối tượng được phân bổ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có kết quả kinh doanh bị lỗ trong năm tài chính bán nợ hoặc khi thực hiện hạch toán ngay vào chi phí hoạt động toàn bộ phần giá trị chênh lệch sẽ dẫn đến kết quả kinh doanh của năm thực hiện bán nợ bị lỗ;

b) Tại thời điểm bán nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán toàn bộ phần giá trị chênh lệch vào tài khoản chi phí chờ phân bổ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán số tiền phải phân bổ vào chi phí hoạt động trong năm;

c) Việc phân bổ được thực hiện trong thời hạn tối đa là 05 năm từ thời điểm bán nợ. Trong thời gian thực hiện phân bổ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chủ động quyết định số tiền phân bổ vào chi phí hoạt động hằng năm. Số tiền phân bổ hằng năm không được thấp hơn chênh lệch thu chi (chưa bao gồm số tiền phân bổ).

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam có tỷ lệ nợ xấu từ 3% trở lên hoặc một tỷ lệ nợ xấu khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định không bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản được Ngân hàng Nhà nước xem xét, áp dụng các biện pháp sau đây:

a) Tiến hành thanh tra hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng Việt Nam thuê công ty kiểm toán hoặc tổ chức định giá độc lập đánh giá lại chất lượng và giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của tổ chức tín dụng Việt Nam đó; chi phí kiểm toán, định giá do tổ chức tín dụng Việt Nam thanh toán;

b) Trên cơ sở kết quả thanh tra, định giá và kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng Việt Nam phải bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản để đảm bảo tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng Việt Nam ở mức an toàn; thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP và tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; cơ cấu lại tổ chức tín dụng Việt Nam theo phương án được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Điều 14. Trái phiếu đặc biệt

1. Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành để mua lại các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng Việt Nam và có các đặc điểm sau đây:

a) Trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;

b) Mệnh giá trái phiếu đặc biệt có giá trị bằng giá mua của khoản nợ xấu được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

c) Trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng đồng Việt Nam có lãi suất bằng 0% và có thời hạn tối đa 05 năm. Trường hợp phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam đang thực hiện phương án tái cơ cấu hoặc gặp khó khăn về tài chính thì thời hạn của trái phiếu đặc biệt tối đa không quá 10 năm;

d) Trái phiếu đặc biệt được sử dụng để vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định mức lãi suất cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng Việt Nam trong từng thời kỳ.

4. Không áp dụng quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đối với việc phát hành trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản.

5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc phát hành, gia hạn, thanh toán trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt

1. Tổ chức tín dụng Việt Nam sở hữu trái phiếu đặc biệt có các quyền sau đây:

a) Sử dụng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Được hưởng số tiền thu hồi nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này;

c) Được mua lại các khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản trước thời điểm đến hạn của trái phiếu đặc biệt.

2. Tổ chức tín dụng Việt Nam sở hữu trái phiếu đặc biệt có các nghĩa vụ sau đây:

a) Trích lập dự phòng rủi ro hằng năm đối với trái phiếu đặc biệt vào chi phí hoạt động trong thời hạn của trái phiếu đặc biệt để tạo nguồn xử lý nợ xấu khi mua lại các khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Sử dụng trái phiếu đặc biệt để mua lại theo giá trị ghi sổ các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt nhưng chưa được xử lý hoặc thu hồi toàn bộ vào thời điểm trái phiếu đặc biệt đến hạn theo quy định.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt.

Điều 16. Phát hành trái phiếu để mua nợ theo giá trị thị trường

1. Việc phát hành trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản không phải áp dụng quy định về nguyên tắc, điều kiện phát hành, hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và không áp dụng quy định về nguyên tắc huy động vốn theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Công ty Quản lý tài sản được phát hành trái phiếu theo các phương thức:

- a) Đấu thầu phát hành;
- b) Bảo lãnh phát hành;
- c) Đại lý phát hành;
- d) Bán trực tiếp.

3. Trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nắm giữ được sử dụng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở và tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc phát hành trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 17. Nguồn vốn của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản có các nguồn vốn sau đây:

- a) Vốn điều lệ;

b) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành để mua các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng Việt Nam;

c) Các quỹ được trích lập theo quy định của pháp luật;

d) Các nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý tài sản không phải thực hiện quy định về tỷ lệ huy động vốn trên vốn điều lệ áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

Điều 18. Các biện pháp xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của Công ty Quản lý tài sản

1. Thực hiện các quyền của chủ nợ, bên nhận bảo đảm đối với khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm nhằm thu hồi nợ, tài sản bảo đảm.

2. Tổ chức đôn đốc, yêu cầu trả nợ, thu nợ từ khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ và bên bảo đảm.

3. Thực hiện cơ cấu lại khoản nợ xấu, hỗ trợ khách hàng vay theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

4. Thỏa thuận với khách hàng vay về việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần để tham gia cơ cấu lại tài chính và hoạt động của khách hàng vay.

5. Thu nợ bằng nhận chính tài sản bảo đảm của khoản nợ; thu hồi, thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

6. Bán nợ cho các tổ chức, cá nhân. Việc bán nợ cho các tổ chức, cá nhân là người không cư trú được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7. Khởi kiện hoặc ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm ra Tòa án; ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản trong thi hành án. Khi tổ chức tín dụng Việt Nam được ủy quyền hoặc được chuyển giao quyền, tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền khởi kiện vụ án, yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

8. Nộp đơn yêu cầu Tòa án tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản đối với khách hàng vay không có khả năng trả nợ và đối với bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm không có khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Điều 19. Biện pháp cơ cấu lại nợ xấu, hỗ trợ khách hàng vay của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản thực hiện các biện pháp cơ cấu lại nợ nhằm hỗ trợ khách hàng vay sau đây:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, thời hạn trả nợ phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của khách hàng vay;

b) Áp dụng lãi suất của khoản nợ đã mua phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng vay và điều kiện thị trường;

c) Giảm một phần hoặc miễn toàn bộ số lãi đã quá hạn thanh toán mà khách hàng vay chưa có khả năng trả nợ;

d) Giảm một phần nợ gốc (đối với khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường) cho khách hàng vay nhưng phải đảm bảo khoản mua nợ theo giá trị thị trường đó có hiệu quả.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể việc cơ cấu lại nợ của Công ty Quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong trường hợp đánh giá khách hàng vay có khả năng phục hồi tốt, Công ty Quản lý tài sản xem xét, đầu tư, cung cấp tài chính để hỗ trợ khách hàng vay xử lý khó khăn tài chính tạm thời và phục hồi sản xuất kinh doanh.

4. Công ty Quản lý tài sản thực hiện bảo lãnh cho khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp đánh giá khách hàng có khả năng phục hồi tốt hoặc có dự án mới có hiệu quả đảm bảo trả được nợ vay.

Điều 20. Xử lý tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu mà Công ty Quản lý tài sản đã mua

1. Tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu mà Công ty Quản lý tài sản đã mua được xử lý theo thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm; nếu không có thỏa thuận thì tài sản bảo đảm được bán đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp không có thỏa thuận của các bên về xử lý tài sản bảo đảm, việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện thông qua các phương thức bán đấu giá sau đây:

a) Bán đấu giá qua tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp;

b) Công ty Quản lý tài sản bán đấu giá.

Công ty Quản lý tài sản lựa chọn, quyết định phương thức bán tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật và bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch.

3. Sau 01 lần bán đấu giá tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu theo quy định tại khoản 2 Điều này không thành thì Công ty Quản lý tài sản được tiếp tục bán tài sản đó thông qua phương thức bán đấu giá hoặc bán tài sản đó trên cơ sở thỏa thuận trực tiếp với bên mua, đồng thời thông báo cho bên bảo đảm biết.

4. Sau khi thu giữ, tiếp nhận tài sản bảo đảm từ bên giữ tài sản bảo đảm, Công ty Quản lý tài sản có quyền bán đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này mà không cần sự đồng ý của bên bảo đảm. Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc bán đấu giá tài sản bảo đảm cho bên sở hữu tài sản bảo đảm không muộn hơn 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức bán đấu giá.

5. Kết quả đấu giá, hợp đồng bán tài sản của Công ty Quản lý tài sản cho bên mua tài sản là căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính, công chứng, chứng thực, làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm và chấm dứt quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bên bảo đảm hoặc bên sở hữu tài sản.

6. Trong trường hợp Công ty Quản lý tài sản bán đấu giá tài sản bảo đảm có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì người nhận chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

Thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản. Trong trường hợp pháp luật quy định việc chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phải có sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu, hợp đồng mua bán tài sản giữa chủ sở hữu tài sản hoặc người phải thi hành án với người mua tài sản về việc xử lý tài sản bảo đảm thì hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp được dùng thay thế cho các loại giấy tờ này.

7. Trình tự, thủ tục tự tổ chức bán đấu giá tài sản của Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá.

Điều 21. Xử lý tiền thu hồi nợ đối với các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm, các chi phí có liên quan đến xử lý nợ, số tiền thu hồi nợ thông qua việc bán nợ, xử lý tài sản bảo đảm, khách hàng vay trả nợ, bên có nghĩa vụ trả nợ thanh toán được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ.

2. Sau khi trừ đi số tiền phải trả cho Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định này, tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ được hưởng số tiền thu hồi nợ từ các khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản do khách hàng vay trả nợ; bên có nghĩa vụ trả nợ; bán nợ; bán và xử lý tài sản bảo đảm.

3. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Bộ luật Dân sự và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 22. Chế độ tài chính và chế độ kế toán của Công ty Quản lý tài sản

1. Doanh thu của Công ty Quản lý tài sản, trong đó bao gồm:

- a) Tiền thu từ hoạt động thu hồi nợ;
- b) Tiền thu từ bán nợ, tài sản bảo đảm;
- c) Thu từ đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- d) Phí, hoa hồng được hưởng từ các hoạt động tư vấn, môi giới mua, bán, xử lý nợ và tài sản;
- đ) Phí, hoa hồng được hưởng từ các hoạt động hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc thu hồi, xử lý nợ, tài sản bảo đảm; tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp;
- e) Tiền thu từ các hoạt động cho thuê, khai thác tài sản;
- g) Thu từ hoạt động tài chính;
- h) Thu nhập bất thường;
- i) Thu phí đấu giá tài sản;
- k) Các khoản thu khác;
- l) Tiền thu theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

2. Chi phí kinh doanh của Công ty Quản lý tài sản, trong đó bao gồm:

- a) Chi phí mua nợ;
- b) Chi phí đòi nợ;
- c) Chi phí tư vấn, môi giới mua, bán, xử lý nợ và tài sản;
- d) Chi phí hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc thu hồi, xử lý nợ, tài sản bảo đảm; tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp;
- đ) Chi phí cho hoạt động bán nợ, bán cổ phần và chuyển nhượng vốn góp;
- e) Chi phí bảo quản, đầu tư, sửa chữa, nâng cấp tài sản;

g) Chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường; cho khoản đầu tư, cung cấp tài chính và bảo lãnh quy định tại khoản 3, 4 Điều 19 Nghị định này;

h) Chi tiền lương, tiền thưởng, chi phụ cấp cho cán bộ, nhân viên theo quy định;

i) Chi phí đấu giá tài sản;

k) Chi phí quản lý công ty;

l) Chi trả lãi tiền vay;

m) Chi phí về tài sản;

n) Các khoản chi khác.

3. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc trích lập và sử dụng dự phòng đối với các khoản đầu tư, cung cấp tài chính, bảo lãnh; doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty Quản lý tài sản quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Công ty Quản lý tài sản trích dự phòng rủi ro vào chi phí hoạt động và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ xấu đã mua theo giá trị thị trường theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Công ty Quản lý tài sản không phải trích lập các khoản dự phòng cho các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt, các khoản phải thu từ tổ chức tín dụng.

6. Công ty Quản lý tài sản thực hiện hạch toán kế toán theo hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 23. Công khai, minh bạch và chế độ báo cáo của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản phải thực hiện công khai:

a) Báo cáo tài chính của Công ty Quản lý tài sản được kiểm toán độc lập hằng năm;

b) Các quy trình, phương pháp định giá nợ, tài sản;

c) Các quy trình, phương pháp bán nợ, tài sản;

d) Việc bán nợ, tài sản;

đ) Các vấn đề khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Công ty Quản lý tài sản phải cung cấp cho bên mua nợ, tài sản các thông tin cần thiết về khoản nợ, tài sản mà Công ty Quản lý tài sản dự kiến bán.

3. Công ty Quản lý tài sản công bố các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này thông qua một hoặc các hình thức sau đây:

- a) Hợp báo;
- b) Đăng tải trên trang tin điện tử website của Công ty Quản lý tài sản;
- c) Niêm yết công khai tại trụ sở Công ty Quản lý tài sản, địa điểm bán nợ, tài sản;
- d) Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- đ) Phát hành rộng rãi dưới dạng tài liệu, ấn phẩm.

4. Công ty Quản lý tài sản thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

- 1. Ban hành Quyết định thành lập Công ty Quản lý tài sản.
- 2. Phê duyệt Điều lệ và nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Quản lý tài sản.
- 3. Sử dụng nguồn vốn hợp pháp để bảo đảm đủ số vốn điều lệ cho Công ty Quản lý tài sản quy định tại Điều 8 Nghị định này.
- 4. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn của Nhà nước tại Công ty Quản lý tài sản.
- 5. Quản lý nhà nước, giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty Quản lý tài sản trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về mua, bán và xử lý nợ xấu.
- 6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn hạch toán kế toán của Công ty Quản lý tài sản.

7. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản về nghiệp vụ mua, bán và xử lý nợ xấu.

8. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong Nghị định này.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chế độ tài chính của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm phối hợp, hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản đăng ký biện pháp bảo đảm.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thi hành án dân sự các cấp phối hợp, hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản trong quá trình thi hành bản án, quyết định của Tòa án về xử lý tài sản bảo đảm.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Hướng dẫn việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo quy định pháp luật về xây dựng và kinh doanh bất động sản đối với tài sản bảo đảm là dự án bất động sản.

2. Hướng dẫn về điều kiện bán tài sản bảo đảm của Công ty Quản lý tài sản là dự án bất động sản cho nhà đầu tư khi có vướng mắc.

Điều 29. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp phường/xã và cơ quan Công an cấp phường/xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty Quản lý tài sản, đại diện Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.

2. Ủy ban nhân dân, cơ quan thuế các cấp hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước khi chuyển quyền tài sản bảo đảm cho người mua.

3. Ủy ban nhân dân, cơ quan nông nghiệp và môi trường, cơ quan có liên quan ở các cấp phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản.

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Thực hiện đánh giá, xác định các khoản nợ xấu đủ điều kiện để bán cho Công ty Quản lý tài sản.

2. Bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản.

3. Tổ chức bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Công ty Quản lý tài sản các thông tin, tài liệu về khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm, khoản nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ đã bán cho Công ty Quản lý tài sản; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu;

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Công ty Quản lý tài sản và khách hàng vay để hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý tài sản;

c) Xem xét, cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản và nhận trái phiếu đặc biệt có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

b) Nhận và thực hiện các công việc ủy quyền của Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

c) Hạch toán vào chi phí hoạt động các chi phí liên quan đến quản lý, thu hồi, xử lý nợ và tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt và các chi phí liên quan đến thực hiện các hoạt động theo ủy quyền của Công ty Quản lý tài sản;

d) Bảo đảm an toàn tài sản, hồ sơ, tài liệu được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền; thực hiện giám sát, đôn đốc, thu hồi, xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm do Công ty Quản lý tài sản ủy quyền;

đ) Thông báo ngay cho Công ty Quản lý tài sản khi phát sinh số tiền thu hồi các khoản nợ gốc, lãi và xử lý, bán tài sản bảo đảm.

5. Theo dõi giá trị chênh lệch phải phân bổ chi tiết cho từng khoản nợ quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này. Báo cáo về tình hình thực hiện phân bổ giá trị chênh lệch phải được thể hiện trong báo cáo tài chính định kỳ (quý/năm).

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản theo cam kết và quy định của pháp luật.

2. Thu xếp vốn, chủ động bán tài sản, bàn giao tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của khách hàng vay để trả nợ gốc, lãi cho Công ty Quản lý tài sản hoặc tổ chức tín dụng Việt Nam được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền.

3. Hợp tác chặt chẽ và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng Việt Nam được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng Việt Nam được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền.

4. Hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến khoản nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý tài sản.

5. Bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm trả nợ phù hợp với thỏa thuận giữa các bên liên quan.

6. Chấp nhận việc mua bán nợ giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của bên bảo đảm

1. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng bảo đảm đã ký kết và quy định của pháp luật.
2. Hợp tác chặt chẽ và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng Việt Nam được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng Việt Nam được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền.
3. Thu xếp vốn, chủ động bán tài sản, bàn giao tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của bên bảo đảm để trả nợ gốc, lãi cho Công ty Quản lý tài sản hoặc tổ chức tín dụng Việt Nam được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền.
4. Bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm trả nợ phù hợp với thỏa thuận giữa các bên liên quan.
5. Chấp nhận việc mua bán nợ giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản.
6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 11 năm 2026.
2. Các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực:
 - a) Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;
 - b) Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;
 - c) Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Điều 34. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Công ty Quản lý tài sản; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). *44*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng
Nguyễn Văn Thắng